

Số: 32/2019/QĐST- DS

Gia Lâm, ngày 01 tháng 7 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ**

Căn cứ vào các điều 48; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 218; Điều 219 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm;

Xét thấy:

Ngày 01/10/2014 ông Tạ Đình Đ có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân huyện Yên cầu Tòa án công nhận ông Đ là chủ sở hữu hợp pháp đối với thửa đất và tài sản trên đất diện tích khoảng 360m² tại xóm 2, xã T, huyện Gia Lâm, Hà Nội đã được Tòa án nhân dân huyện G thụ lý vụ án theo Thông báo về việc thụ lý vụ án số 23/2014/TB-TLVA ngày 14/5/2014.

Ngày 24/10/2014, bị đơn là bà Tường Thị N có đơn yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Đình Đ, bà N yêu cầu ông Tạ Đình Đ trả lại nguyên trạng phần đất ao thuộc quyền sở hữu của gia đình bà N và công nhận quyền sở hữu hợp pháp cho bà N phần diện tích đất ao mà bà đã mua của ông L đã được Tòa án nhân dân huyện G thụ lý theo Thông báo về việc thụ lý đơn phản tố số 133/2014/TB-TLVA ngày 10/11/2014.

Ngày 13/3/2015, ông Tạ Đình Đ có Đơn đề nghị rút toàn bộ yêu cầu trong đơn khởi kiện ghi ngày 01/10/2014, việc ông Đ rút toàn bộ yêu cầu trong đơn khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc.

Ngày 07/3/2017, Tòa án nhân dân huyện G tiến hành lấy lời khai của bà Tường Thị N , thông báo về việc ông Tạ Đình Đ có Đơn đề nghị rút toàn bộ yêu cầu trong đơn khởi kiện. Bà N biết việc ông Đ rút đơn khởi kiện nhưng bà N vẫn đề nghị Tòa án nhân dân huyện G tiếp tục giải quyết vụ án để trả lại phần đất cho gia đình bà mà ông Đ đang quản lý, sử dụng.

Ngày 10/3/2017, Tòa án nhân dân huyện G đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Tạ Đình Đ số 05/2017/QĐST-DS, bà Tường Thị N trở thành nguyên đơn trong vụ án, ông Tạ Đình Đ trở thành bị đơn trong vụ án.

Ngày 01/7/2019, bà Tường Thị N có Đơn đề nghị rút toàn bộ yêu cầu phản tố ghi ngày 24/10/2014; Việc rút đơn của bà N là hoàn toàn tự nguyện và được Tòa án chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 23/2014/TB-TLVA ngày 14 tháng 5 năm 2014 về việc “Đòi quyền sở hữu tài sản và quyền sử dụng đất” giữa:

Nguyên đơn: Bà Tường Thị N, sinh năm 1960.

Trú tại: Xóm 2, xã T, huyện G, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N: Ông Nguyễn Đức D – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư B – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Tầng 2, số 7 phố Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Ông Tạ Đình Đ, sinh năm 1947.

Trú tại: Xóm 2, xã T, huyện G, thành phố Hà Nội.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1957.

Trú tại: Xóm D, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội.

- Ông Tạ Đình Đ, sinh năm 1966

Trú tại: Xóm 2, xã T, huyện G, thành phố Hà Nội.

- Ông Tạ Đình Đ, sinh năm 1974.

Trú tại: Xóm 2 xã T, huyện G, thành phố Hà Nội.

- Ông Tạ Đình Đ, sinh năm 1976.

Trú tại: Xóm 2, xã T, huyện G, thành phố Hà Nội.

- Anh Tạ Đình Đ, sinh năm 1982.

- Chị Nguyễn Thị Thảo Hương, sinh năm 1988.

- Cháu Tạ Chí Huy, sinh năm 2012

- Cháu Tạ Phương A, sinh năm 2015.

Người đại diện của cháu H và cháu P là chị H và anh Đ.

Cùng trú tại: Xóm 2, xã T, huyện G, thành phố Hà Nội.

- Anh Tạ Đình N, sinh năm 1988.

Trú tại: Xóm 2, xã T, huyện G, thành phố Hà Nội.

- Chị Tạ Thị T, sinh năm 1981.

Trú tại: Xóm 2, xã T, huyện G, thành phố Hà Nội.

- Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1976.

Trú tại: Xóm 2, xã T, huyện G, thành phố Hà Nội.

- Cháu Tạ Thị Diễm Q, sinh năm 2002.

Chị T là đại diện hợp pháp của cháu Q.

- Chị Tạ Thị T, sinh năm 1982.

Trú tại: Thôn V, xã X, huyện T, tỉnh Điện Biên.

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1957.

Trú tại: Xóm H, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1984.

HKTT: Xóm H, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở: Thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1988.

HKTT: Xóm H, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở: Thôn B, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Tạ Thị Quyên H, sinh năm 1991.

HKTT: Xóm H, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở: Xóm H, đội 2, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Nguyễn Thị H, sinh năm 1994.

Trú tại: Xóm H, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

- Khi có Quyết định Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án theo khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về án phí:

Hoàn trả ông Tạ Đình Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.450.000 (Bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/0001420 ngày 07/5/2014.

Hoàn trả bà Trương Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.450.000 (Bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/0001660 ngày 10/11/2014.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Gia Lâm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đoàn Thành Nam

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 45-DS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Tòa án ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2017/QĐST- KDTM).

(3) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 217 hoặc các điều luật khác của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: xét thấy nguyên đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(4) Ghi số, ngày tháng năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 50/2017/TLST-KDTM).

(5) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).

(9) Tùy vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, (kể cả về tiền tạm ứng án phí).

(10) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện (nếu có).

TOÀ ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../...../QĐST-.....⁽²⁾

....., ngày..... tháng năm.....

**QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông (Bà)

Thẩm phán (nếu Hội đồng xét xử gồm có 5 người): Ông (Bà)

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông (Bà)

2. Ông (Bà)

3. Ông (Bà)

Căn cứ vào các điều 217, 218, 219, 235 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét thấy⁽³⁾

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số.../.../TLST-...⁽⁴⁾ ngày... tháng... năm.... về việc⁽⁵⁾, giữa:

Nguyên đơn:⁽⁶⁾

Địa chỉ:

Bị đơn:⁽⁷⁾

Địa chỉ:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có).⁽⁸⁾

Địa chỉ:

2.⁽⁹⁾

3. Đương sự,⁽¹⁰⁾ có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 46-DS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Tòa án ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2017/QĐST - KDTM).

(3) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 217 hoặc các điều luật khác của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: xét thấy nguyên đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(4) Ghi số, ngày tháng năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 50/2017/TLST-KDTM).

(5) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).

(9) Tuỳ vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự (kể cả về tiền tạm ứng án phí).

(10) Tuỳ từng trường hợp cụ thể mà ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện (nếu có).

(11) Phần cuối cùng của Quyết định cần phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử (Quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); Quyết định gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:

- Đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)